



Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Trần Thị Hồng

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 12/10/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 27/12/2024

Ngày nhận đăng: 28/12/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Giáo dục bảo vệ môi trường;

Học sinh trung học cơ sở;

Tỉnh Đắk Nông.

TÓM TẮT

Quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong các trường học là vô cùng quan trọng, đặc biệt đối với học sinh THCS. Bài báo này nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tại các trường THCS ở huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến từ 24 cán bộ quản lý (CBQL) và 100 giáo viên (GV) tại 13 trường THCS trên địa bàn huyện. Kết quả khảo sát cho thấy, cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh THCS tại địa bàn nghiên cứu đạt mức khá. Những kết quả này sẽ là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp cải thiện, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục bảo vệ môi trường tại các trường THCS. Bài báo này không chỉ giúp đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường mà còn đóng góp vào việc nâng cao nhận thức và cải thiện chất lượng giáo dục bảo vệ môi trường trong các trường trung học cơ sở, góp phần bảo vệ môi trường bền vững cho cộng đồng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ô nhiễm môi trường hiện nay đã trở thành một trong những thách thức cấp bách nhất với quy mô và mức độ ngày càng nghiêm trọng. Trên toàn quốc, hiện có 283 khu công nghiệp thải ra hơn 550.000 m³ nước thải mỗi ngày; 615 cụm công nghiệp nhưng chỉ khoảng 5% trong số đó có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hơn 500.000 cơ sở sản xuất, nhiều trong số này sử dụng công nghệ lạc hậu, đang trực tiếp xả thải ra môi trường. Thêm vào đó, hơn 5.000 doanh nghiệp khai thác khoáng sản và 4.500 làng nghề truyền thống cũng đang tạo ra áp lực lớn đối với hệ sinh thái. Ngành y tế với hơn 13.500 cơ sở mỗi ngày thải ra hơn 47 tấn chất thải nguy hại và 125.000 m³ nước thải y tế. Tại các đô thị trên cả nước, 3 triệu m³ nước thải sinh hoạt mỗi ngày phần lớn chưa được xử lý triệt để. Bên cạnh đó, gần 43 triệu xe máy và hơn 2 triệu ô tô đang góp phần làm tăng hàm lượng khí thải độc hại trong không khí (Vụ Giáo dục thường xuyên, 2013).

Tại tỉnh Đắk Nông, sự phát triển kinh tế với các hoạt động khai thác bô-xít, xây dựng khu công nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên các hồ thủy điện, cùng sự mở rộng đầu tư vào du lịch đang nâng cao đời sống của người dân. Tuy nhiên, những hoạt động này cũng kéo theo những vấn đề về ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến cảnh quan tự nhiên và chất lượng môi trường sống (Vụ Giáo dục thường xuyên, 2013).

Hoạt động bảo vệ môi trường (BVMT) bao gồm phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, ứng phó sự cố và cải tạo, phục hồi môi trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2005; Chính phủ, 2008). Giáo dục BVMT đóng vai trò quan trọng trong việc giúp cá nhân và cộng đồng nâng cao nhận thức, hình thành thái độ tích cực và phát triển kỹ năng thực hành bảo vệ môi trường (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013).

Trong bối cảnh đó, công tác quản lý hoạt động giáo dục BVMT tại các trường trung học cơ sở (THCS) cần được chú trọng. Đây là quá trình hiệu trưởng và đội ngũ quản lý sử dụng các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra để triển khai hiệu quả các chương trình giáo dục BVMT. Tuy nhiên,

hiện nay, công tác giáo dục và quản lý giáo dục BVMT trong các trường THCS vẫn còn nhiều hạn chế, dẫn đến ý thức bảo vệ môi trường của học sinh chưa cao. Việc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng hay trường học chưa trở thành thói quen thường xuyên của các em học sinh.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy nhằm thúc đẩy hoạt động bảo vệ môi trường như Nghị quyết số 24-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013), Chỉ thị số 02/2005/CT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2005), và Luật BVMT (Quốc hội, 2005). Nội dung giáo dục môi trường hiện được tích hợp vào các môn học như Địa lý, Giáo dục công dân, Sinh học, Công nghệ, Hóa học... và tổ chức qua các hoạt động ngoại khóa như "Ngày Chủ nhật xanh" hoặc các phong trào vệ sinh môi trường do Đoàn Thanh niên phát động.

Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu sâu sắc về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục BVMT cho học sinh THCS trên địa bàn huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Việc nghiên cứu và đánh giá thực trạng này sẽ giúp các trường THCS trên địa bàn huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông nâng cao hiệu quả giáo dục BVMT, từ đó góp phần quan trọng vào việc hình thành ý thức, hành vi bảo vệ môi trường và phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trên 13 trường THCS tại huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Đối tượng khảo sát bao gồm 24 cán bộ quản lý (CBQL) và 100 giáo viên (GV) từ các trường này.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh THCS. Bảng hỏi được xây dựng theo thang đo Likert 5 bậc, từ mức 1 đến mức 5. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng cách tính điểm trung bình và độ lệch chuẩn cho từng nội dung khảo sát. Quá trình phân tích số liệu được thực hiện thông qua phần mềm thống kê SPSS 18.00.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trung học cơ sở huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Có thể thấy rằng, mức độ thực hiện các mục tiêu quản lý giáo dục BVMT được đánh giá ở mức khá, với ĐTB dao động từ 3.66 đến 3.75. Điều này phản ánh rằng công tác quản lý giáo dục BVMT tại các trường THCS trên địa bàn đã đạt được hiệu quả nhất định và được triển khai một cách tương đối đồng bộ. Tuy nhiên, kết quả này cũng chỉ ra rằng vẫn còn cơ hội để cải thiện. Để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục BVMT, cần tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp quản lý, đồng thời tăng cường nhận thức và kỹ năng bảo vệ môi trường cho học sinh.

Bảng 1. Thực trạng quản lý việc thực hiện mục tiêu giáo dục BVMT cho học sinh trung học cơ sở

STT	Quản lý việc thực hiện mục tiêu	ĐTB	ĐLC
1	Định hướng việc xác định mục tiêu giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng BVMT	3.66	0.67
2	Tổ chức việc xây dựng mục tiêu hoạt động giáo dục BVMT trong chương trình đào tạo.	3.71	0.69
3	Chỉ đạo thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục BVMT đã được xây dựng.	3.70	0.71
4	Giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục BVMT.	3.75	0.67
5	Định kỳ rà soát, điều chỉnh những mục tiêu hoạt động giáo dục BVMT chưa phù hợp.	3.73	0.73

Số liệu bảng 1 cho thấy, công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục BVMT có kết quả thực hiện cao nhất với ĐTB = 3.75. Điều này cho thấy sự quan tâm và chú trọng của các nhà quản lý đối với việc theo dõi, đánh giá tiến trình thực hiện các mục tiêu giáo dục BVMT trong trường học. Việc giám sát và đánh giá chặt chẽ không chỉ giúp đảm bảo tính hiệu quả và đúng hướng trong quá trình thực hiện mà còn tạo cơ sở để kịp thời điều chỉnh và cải tiến các hoạt động giáo dục BVMT. Tuy nhiên, cần tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng giám sát để đạt được những kết quả bền vững trong công tác giáo dục BVMT.

Công tác định hướng việc xác định mục tiêu giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng BVMT có kết quả thực hiện thấp nhất ĐTB = 3.60. Điều này phản ánh thực trạng rằng việc xây dựng và định hướng mục tiêu giáo dục BVMT vẫn chưa được quan tâm đúng mức hoặc chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Sự hạn chế này có thể ảnh hưởng đến khả năng nâng cao nhận thức và hình thành kỹ năng BVMT cho học sinh. Do đó, cần có những giải pháp cụ thể để cải thiện công tác định hướng, như tăng cường bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, xây dựng mục tiêu rõ ràng, thực tiễn, và gắn với nhu cầu của địa phương nhằm đảm bảo hiệu quả giáo dục BVMT.

3.2. Thực trạng quản lý việc thực hiện nội dung hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trung học cơ sở huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Bảng 2 cho biết kết quả công tác quản lý việc thực hiện nội dung GDBVMT ở các trường THCS cho thấy mức độ thực hiện các mục tiêu có sự khác biệt rõ rệt. Các nội dung được đánh giá có ĐTB từ 3.34 đến 3.81, cho thấy mức độ thực hiện chủ yếu nằm trong khoảng trung bình khá. Cụ thể, nội dung "Xác định mục tiêu cụ thể để xác định nội dung hoạt động GDBVMT phù hợp" có ĐTB cao nhất (3.81), trong khi "Lập kế hoạch thực hiện chi tiết cho từng nội dung hoạt động GDBVMT" có ĐTB thấp nhất (3.34). Độ lệch chuẩn (ĐLC) của các nội dung dao động từ 0.57 đến 0.82, phản ánh sự đồng thuận trong đánh giá của các cán bộ quản lý và giáo viên.

Bảng 2. Thực trạng quản lý việc thực hiện nội dung giáo dục BVMT

STT	Quản lý việc thực hiện nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Xác định mục tiêu cụ thể để xác định nội dung hoạt động GDBVMT phù hợp	3.81	0.71
2	Lựa chọn nội dung GDBVMT phù hợp với mục tiêu đã đề ra	3.79	0.68
3	Lập kế hoạch thực hiện chi tiết cho từng nội dung hoạt động GDBVMT	3.34	0.57
4	Chỉ đạo đổi mới nội dung giáo dục BVMT phù hợp với đối tượng HS	3.36	0.66
5	Chỉ đạo thực hiện các nội dung giáo dục BVMT	3.44	0.66
6	Tổ chức thực hiện những nội dung hoạt động GDBVMT	3.46	0.71
7	Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động thực tiễn về bảo vệ môi trường	3.77	0.82
8	Đánh giá kết quả của các nội dung hoạt động GDBVMT	3.75	0.69

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý giáo dục bảo vệ môi trường ở các trường trung học cơ sở đang thực hiện ở mức khá tốt, với nhiều nội dung đạt ĐTB trên 3.75, đặc biệt là công tác xác định mục tiêu và lựa chọn nội dung phù hợp. Tuy nhiên, sự thiếu chi tiết trong việc lập kế hoạch thực hiện và việc đổi mới nội dung giáo dục bảo vệ môi trường cho phù hợp với đối tượng học sinh vẫn là điểm cần cải thiện. Đặc biệt, độ lệch chuẩn ở một số nội dung cao như "Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động thực tiễn về bảo vệ môi trường" cho thấy có sự khác biệt trong cách nhìn nhận và thực hiện giữa các trường, điều này cần được lưu ý để đạt được sự đồng bộ trong toàn bộ hệ thống giáo dục.

Để cải thiện thực trạng quản lý và thực hiện nội dung GDBVMT, cần tập trung vào việc nâng cao chất lượng kế hoạch giảng dạy và phương pháp tổ chức hoạt động. Cụ thể, các nhà quản lý và giáo viên cần lập kế hoạch chi tiết, rõ ràng hơn và tăng cường tổ chức các buổi tập huấn để nâng cao năng lực cho giáo viên trong việc triển khai các hoạt động GDBVMT. Đồng thời, cần đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng các phương pháp học tập tích cực và gắn liền với các vấn đề môi trường thực tế. Việc xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá chặt chẽ cũng rất quan trọng để theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện, đồng thời khuyến khích học sinh tham gia tích cực hơn. Thêm vào đó, các hoạt động ngoại khóa và việc kết nối với các tổ chức bảo vệ môi trường sẽ tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm thực tế và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

3.3. Thực trạng quản lý việc thực hiện các hình thức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trung học cơ sở huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Bảng 3. Thực trạng quản lý việc thực hiện các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục BVMT

STT	Quản lý việc thực hiện hình thức	ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo việc tích hợp giáo dục BVMT trong dạy học các môn học	3.62	0.64
2	Chỉ đạo tổ chức hoạt động trải nghiệm với chuyên đề BVMT cho học sinh	3.64	0.85
3	Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động giáo dục BVMT cho học sinh	3.78	0.79
4	Khuyến khích giáo viên lồng ghép giáo dục BVMT trong các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ của trường	3.73	0.77
5	Khuyến khích giáo viên hình thành thói quen BVMT cho học sinh ở trường, lớp (vệ sinh trường, lớp, chăm sóc cây...)	3.68	0.73
6	Tạo điều kiện để giáo viên tổ chức các hoạt động tham quan, dã ngoại liên quan đến BVMT cho học sinh.	3.69	0.78
7	Phối hợp cùng gia đình, cộng đồng tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động BVMT ở ngoài trường	3.70	0.71

Số liệu bảng 3 cho thấy các khía cạnh quản lý việc thực hiện hình thức tổ chức hoạt động giáo dục BVMT đều đạt được mức độ thực hiện khá với ĐTB từ 3.62 đến 3.78. Các hoạt động như chỉ đạo tích hợp giáo dục BVMT vào các môn học (3.62) hay khuyến khích giáo viên lồng ghép giáo dục BVMT vào các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ (3.73) đạt kết quả khá, tuy nhiên vẫn còn tiềm năng để nâng cao. Mức độ tổ chức

các hoạt động đa dạng về BVMT (3.78) và phối hợp với gia đình, cộng đồng (3.70) có kết quả khá với mức ĐTB cao hơn, phản ánh sự chủ động trong công tác giáo dục. Tuy nhiên, cần cải thiện việc hình thành thói quen BVMT cho học sinh và tổ chức thêm các hoạt động tham quan, dã ngoại để nâng cao nhận thức và hành động thực tế của học sinh về vấn đề bảo vệ môi trường.

Mặc dù việc quản lý các hình thức hoạt động giáo dục BVMT đã đạt kết quả khá, nhưng vẫn cần chú trọng hơn nữa vào việc cải thiện kết quả thực hiện của các hoạt động ngoại khóa và việc khuyến khích giáo viên chủ động lồng ghép giáo dục BVMT vào các môn học. Các trường có thể tổ chức thêm các buổi huấn luyện cho giáo viên về phương pháp giảng dạy BVMT sáng tạo và gần gũi với học sinh, cũng như thiết kế các hoạt động ngoài trời kết hợp thực tế để nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ môi trường cho học sinh. Ngoài ra, việc tăng cường hợp tác với các tổ chức, cộng đồng và gia đình trong việc tổ chức các hoạt động BVMT cũng sẽ giúp nâng cao hiệu quả giáo dục môi trường trong nhà trường.

3.4. Thực trạng quản lý công tác phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Từ kết quả bảng 4 có thể thấy, các khía cạnh quản lý việc phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục BVMT đều đạt được mức độ thực hiện khá với ĐTB từ 3.75 đến 3.83. Điều này cho thấy sự phối hợp giữa các bên liên quan như giáo viên, học sinh, gia đình và cộng đồng trong việc triển khai các hoạt động giáo dục BVMT là khá hiệu quả. Các hoạt động này không chỉ giúp nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường mà còn tạo ra một môi trường học tập tích cực, nơi mà các lực lượng cùng nhau đóng góp vào công tác giáo dục và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả phối hợp, có thể cần thiết phải tăng cường thêm các chương trình đào tạo, tập huấn cho các bên liên quan và thiết lập những kênh giao tiếp rõ ràng hơn giữa các lực lượng tham gia.

Bảng 4. Thực trạng quản lý công tác phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục BVMT

STT	Quản lý phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục BVMT	ĐTB	ĐLC
1	Xác định rõ các nội dung phối hợp các lực lượng	3.82	0.77
2	Chỉ đạo lựa chọn các hình thức phối hợp các lực lượng	3.83	0.68
3	Xây dựng quy chế phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động	3.75	0.67
4	Kiểm tra giám sát việc phối hợp các lực lượng	3.81	0.71
5	Đảm bảo các điều kiện cần thiết để triển khai phối hợp các lực lượng	3.82	0.71

Nội dung “Chỉ đạo lựa chọn các hình thức phối hợp các lực lượng” là nội dung có ĐTB cao nhất (3.83), cho thấy đây là một trong những hoạt động quan trọng và hiệu quả trong công tác giáo dục bảo vệ môi trường. Điểm số cao này phản ánh sự chú trọng đúng mức vào việc xác định và lựa chọn các hình thức phối hợp phù hợp giữa các lực lượng tham gia, từ giáo viên, học sinh đến gia đình và cộng đồng. Việc lựa chọn các hình thức phối hợp một cách hợp lý không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục BVMT mà còn tạo ra một sự liên kết chặt chẽ giữa các bên, từ đó góp phần thúc đẩy các hoạt động BVMT trở nên thực tiễn và bền vững hơn. Tuy nhiên, để duy trì và nâng cao hơn nữa kết quả này, cần tiếp tục nghiên cứu và thử nghiệm các hình thức phối hợp đa dạng, phù hợp với từng đối tượng tham gia và điều kiện thực tế của địa phương.

Nội dung “Xây dựng quy chế phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động” với ĐTB = 3.75 là nội dung có ĐTB thấp nhất, mặc dù vẫn ở mức khá nhưng cho thấy còn một số vấn đề cần cải thiện trong việc xây dựng và triển khai quy chế phối hợp. Điểm số này chỉ ra rằng việc tạo ra một quy chế phối hợp rõ ràng và hiệu quả giữa các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường có thể chưa được chú trọng đúng mức hoặc chưa thực sự khả thi trong thực tế. Một quy chế phối hợp chặt chẽ và linh hoạt là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, tránh chồng chéo và tối ưu hóa các nguồn lực. Do đó, cần phải xem xét, điều chỉnh và hoàn thiện quy chế này để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong công tác phối hợp giữa các bên, từ đó nâng cao chất lượng các hoạt động bảo vệ môi trường.

3.5. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Số liệu bảng 5 cho biết thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường tại địa bàn nghiên cứu có kết quả thực hiện khá với ĐTB từ 3.62 đến 4.05. Điều này phản ánh rằng các điều kiện hỗ trợ cho giáo dục bảo vệ môi trường được triển khai hiệu quả, tuy nhiên, vẫn có sự chênh lệch giữa các nội dung, với chỉ số thấp nhất là 3.62. Mặc dù nhìn chung công tác quản lý đạt mức khá, nhưng việc cải thiện và nâng cao các điều kiện hỗ trợ có điểm ĐTB thấp sẽ giúp tăng cường hiệu quả giáo dục bảo vệ môi trường trong tương lai.

Bảng 5. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục BVMT

STT	Quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục BVMT	ĐTB	ĐLC
1	Phân bổ nguồn tài chính của nhà trường cho hoạt động giáo dục BVMT.	3.97	0.68
2	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục BVMT	3.87	0.72
3	Sắp xếp hợp lý địa điểm (phòng học, sân bãi...), thiết bị để tổ chức các hoạt động giáo dục BVMT	3.95	0.74
4	Giới thiệu và cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động giáo dục BVMT đến GV, HS	3.62	1.01
5	Phối hợp cùng phụ huynh HS và các tổ chức xã hội để tạo nguồn lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục BVMT	4.05	1.04
6	Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ hoạt động giáo dục BVMT	3.94	0.66
7	Quản lý các điều kiện hỗ trợ giáo dục BVMT cho HS tại trường THCS	3.71	0.66

Nội dung “Phối hợp cùng phụ huynh HS và các tổ chức xã hội để tạo nguồn lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục BVMT” có kết quả thực hiện cao nhất với ĐTB = 4.05. Điều này cho thấy sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, phụ huynh và các tổ chức xã hội trong việc huy động nguồn lực tài chính và đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường là rất hiệu quả. Mức điểm cao này phản ánh sự cam kết và nỗ lực của các bên liên quan trong việc tạo ra môi trường học tập thuận lợi và đầy đủ nguồn lực để thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

Ngược lại, nội dung “Giới thiệu và cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động giáo dục BVMT đến GV, HS” có ĐTB thấp nhất là 3.62, cho thấy việc cung cấp tài liệu giáo dục bảo vệ môi trường cho giáo viên và học sinh chưa được thực hiện một cách đầy đủ và hiệu quả. Mức ĐTB này phản ánh có thể còn thiếu sự quan tâm hoặc nguồn lực để phát triển và phổ biến các tài liệu giáo dục phù hợp. Điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng và tính thực tiễn của các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường, khi mà giáo viên và học sinh không có đủ thông tin cần thiết để áp dụng vào quá trình giảng dạy và học tập. Việc cải thiện hoạt động này là cần thiết để đảm bảo tài liệu phù hợp, đầy đủ và kịp thời, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục môi trường trong nhà trường.

3.6. Thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Từ kết quả bảng 6, nhìn chung các hoạt động liên quan đến quản lý, kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục BVMT được thực hiện khá, với điểm trung bình từ 3.73 đến 3.95. Điều này cho thấy các trường đã chú trọng đến công tác giám sát, đánh giá hiệu quả của các hoạt động giáo dục BVMT, đảm bảo rằng các mục tiêu giáo dục môi trường được thực hiện đúng đắn và đạt được hiệu quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn có thể cải thiện thêm một số khía cạnh để đạt được kết quả tối ưu hơn, ví dụ như việc nâng cao chất lượng và tính cụ thể của các chỉ số đánh giá, cũng như cải thiện quy trình kiểm tra và phản hồi để tăng cường sự tham gia của tất cả các bên liên quan.

Bảng 6. Thực trạng quản lý kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục BVMT

STT	Quản lý kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục BVMT	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục BVMT	3.79	0.49
2	Thành lập Ban/Tổ kiểm tra hoạt động giáo dục BVMT	3.73	0.62
3	Thu thập thông tin đầy đủ, toàn diện về các hoạt động giáo dục BVMT cho HS	3.79	0.55
4	Đánh giá khách quan, chính xác thông tin về các hoạt động giáo dục BVMT cho HS	3.95	0.53
5	Sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá hoạt động giáo dục BVMT	3.93	0.58

Nội dung “Đánh giá khách quan, chính xác thông tin về các hoạt động giáo dục BVMT cho HS” với ĐTB = 3.95. Mức độ thực hiện cao cho thấy công tác đánh giá thông tin về hoạt động giáo dục BVMT được thực hiện một cách khách quan và chính xác, điều này rất quan trọng để đảm bảo chất lượng giáo dục. Đây là điểm mạnh trong công tác kiểm tra và đánh giá, cho thấy khả năng đánh giá thông tin một cách chính xác là khá tốt.

Bên cạnh đó nội dung “Thành lập Ban/Tổ kiểm tra hoạt động giáo dục BVMT” với ĐTB = 3.73. Mặc dù công tác thành lập các Ban/Tổ kiểm tra là một phần thiết yếu trong quản lý, nhưng mức độ thực hiện của nó thấp hơn so với các nội dung khác, cho thấy có thể cần cải thiện hơn nữa. Việc thành lập và duy trì các Ban/Tổ kiểm tra hoạt động giáo dục BVMT có thể chưa được thực hiện đầy đủ hoặc chưa đạt hiệu quả cao nhất.

Công tác quản lý kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục BVMT có những điểm mạnh rõ ràng như khả năng đánh giá khách quan và chính xác thông tin, và việc sử dụng kết quả đánh giá. Tuy nhiên, việc thành

lập Ban/Tổ kiểm tra, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, và thu thập thông tin cần được cải thiện để nâng cao toàn diện chất lượng công tác kiểm tra và đánh giá.

Tuy nhiên, để quản lý công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh THCS trong quá trình thực hiện, gặp một số khó khăn như: Xây dựng các lực lượng kiểm tra, đánh giá; Xác định rõ thành phần, đối tượng, số lượng tham gia công tác kiểm tra, đánh giá và phát hiện những vấn đề còn tồn tại, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh, từ đó tư vấn, đề xuất các biện pháp, các kiến nghị để nhà trường triển khai thực hiện tốt hơn. Kết quả khảo sát trên là căn cứ giúp hiệu trưởng tìm ra những biện pháp quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường, thúc đẩy mọi người nỗ lực thực hiện.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh THCS đã được quan tâm triển khai ở các trường THCS huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Về cơ bản CBQL và GV đã đánh giá kết quả trong quản lý triển khai các mục tiêu, nội dung, hình thức, phối hợp các lực lượng, các điều kiện hỗ trợ và kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh THCS tại huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đạt mức khá. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả cho quản lý hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh THCS huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông cần tập trung vào các biện pháp sau: Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trung học cơ sở; Chỉ đạo đổi mới hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trung học cơ sở; Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, tổng phụ trách đội về kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở các trường THCS; Quản lý phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở các trường THCS; Quản lý việc khai thác sử dụng các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở các trường THCS; Cải tiến công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2005). *Chỉ thị số 02/2005/CT-BGDĐT ngày 31 tháng 01 năm 2005 về tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường*.
- Chính phủ. (2008). *Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường*.
- Quốc hội. (2005). *Luật bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005*.
- Vụ Giáo dục thường xuyên. (2013). *Tài liệu hướng dẫn người dân trong cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường*. NXB Đại học Cần Thơ.
-

Current status of management of environmental protection education activities for students in secondary schools in Dak R'lap district, Dak Nong province

Tran Thi Hong

Nguyen Du Secondary School, Dak R'lap District, Dak Nong Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 12 October 2024

Received in revised form: 27 December 2024

Accepted: 28 December 2024

Published: 20 December 2025

Keywords:

Environmental protection education;

Secondary school students;

Dak Nong province.

Corresponding author:

Tran Thi Hong

E-mail address:

tranthihongpht@gmail.com

ABSTRACT

Managing environmental protection education activities in schools is extremely important, particularly for middle school students. This article aims to assess the current state of managing environmental protection education activities for students at middle schools in Dak R'lap district, Dak Nong province. We conducted a survey involving 24 school administrators and 100 teachers from 13 middle schools in the district. The survey results show that administrators and teachers evaluate the management of environmental protection education activities for middle school students in the studied area as fairly good. These results provide a valuable foundation for proposing solutions to enhance the effectiveness of managing environmental protection education activities at middle schools. This article not only assesses the current state of managing environmental protection education but also contributes to raising awareness and improving the quality of environmental education in middle schools, thereby supporting sustainable environmental protection for the community.
